TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-PT
Ngày: 19/3/2019
V/v: " Tranh chấp về kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-DS ngày 11/01/2019, về việc: "Tranh chấp về kiện đòi tài sản". Do bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh Thanh Hóa do bị đơn kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2019/QĐ-PT, ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Anh Nguyễn Sơn H sinh năm: 1969 (có mặt)

2. Chị Trần Thị N sinh năm: 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu 6, thị trấn K T, huyện T T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị D ; sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn K T, huyện T T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn K T, huyện T T, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2018, bản tự khai lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Sơn H và chị Trần Thị N trình bày:

Ngày 01/12/2011, chị Đỗ Thị D vay của anh, chị số tiền là 100.000.000đ, hẹn sau 03 tháng sẽ trả. Nhưng đến nay chị D vẫn không trả. Nay anh chị yêu cầu Toà án buộc chị D phải trả cho anh, chị số tiền nợ gốc là 100.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Giấy nhận tiền 152.000.000đ ngày 09/9/2014 chị nhận của chị D là số tiền mà chị D nhờ em trai chồng là Phạm Văn C mang xuống nhà chị để trả cho bà Nguyễn Thị H, số tiền đó chị D vay của bà H, do bà H đi Hà Nội nên có

điện về nhờ chị nhận hộ và đến ngày 11/9/2014, bà H về, chị đã giao lại số tiền đó cho bà H, bà H cũng đã viết giấy nhận lại số tiền đó từ chị.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị D trình bày: Ngày 01/12/2011, chị có vay của vợ chồng anh Hưng, chị Nhung số tiền là 100.000.000đ, hẹn sau 03 tháng sẽ trả. Số tiền này chị đã trả cho anh H, chị N. Chị cũng thừa nhận, trước đó chị có vay của bà H 200.000.000đ, nhưng số nợ này chị cũng đã trả hết theo kỳ cho bà H, không có lần nào trả số tiền 48.000.000đ và 152.000.000đ như bà H đã khai.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 20/01/2014, chị D vay của bà 100.000.000đ; ngày 23/01/2014 vay 50.000.000đ; ngày 27/01/2014 vay tiếp 50.000.000đ. Tổng số tiền chị D vay của bà là 200.000.000đ. Sau đó chị D đã trả cho bà 48.000.000đ, số tiền còn lại 152.000.000đ, đến ngày 09/9/2014, chị D mang tiền đến trả nhưng lúc đó bà đi Hà Nội, bà có nhờ chị N nhận hộ. Đến ngày 11/9/2014, bà đã nhận lại số tiền trên từ chị N. Sau đó ít ngày chị D đã nhận lại giấy vay tiền từ bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H và chị N. Buộc chị Đỗ Thị D trả cho anh H và chị N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018 chị D có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền 100.000.000đ chị vay của chị N chị đã trả cho chị N nên chị không đồng ý với việc tòa cấp sơ thẩm buộc chị phải trả cho anh H chị N số tiền 100.000.000đ và buộc chị chịu án phí DSST là 5.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên nội dung kháng cáo, không xuất trình thêm chứng cứ gì mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không xuất trình được căn cứ hợp pháp để có thể chấp nhận kháng cáo nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị D trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Không đồng ý với việc tòa cấp sơ thẩm buộc chị phải trả cho anh Nguyễn Sơn H chị Trần Thị N số tiền 100.000.000đ và buộc chị chịu án phí DSST là 5.000.000đ.

Xét thấy: Ngày 01/12/2011, chị D vay của anh H chị N số tiền là 100.000.000đ, hẹn sau 03 tháng sẽ trả, chị D cũng thừa nhận điều này. Chị D xuất trình cho Tòa án 01 giấy nhận tiền ngày 09/9/2014 thể hiện nội dung chị N nhận của chị D 152.000.000đ, nhưng không ghi nội dung nhận tiền liên quan đến việc vay nợ ngày 01/12/2011. Chị N thừa nhận có nhận số tiền 152.000.000đ của chị D, theo chị N đây là số tiền mà chị D nhờ em trai chồng là C mang xuống giao cho chị để trả cho chị là Nguyễn Thị H, số tiền đó chị D vay của bà H, do bà H đi Hà Nội nên có điện về nhờ chị nhận hộ và đến ngày 11/9/2014, bà H về, chị đã giao lại số tiền đó cho bà H. Bà H thừa nhận điều này. Mặt khác chị D, bà H thống nhất chị D có vay của bà H số tiền 200.000.000đ, chị D đã trả đủ cho bà H. Bà H khai chị D đã trả bằng 2 lần, 1 lần trả 48.000.000đ, 01 lần 152.000.000đ trả qua chị N (có giấy nhận tiền của chị N với chị D và giấy giao nhận giữa chị N và bà H về số tiền này). Chị D chỉ khai đã trả đủ, không nhớ trả bao nhiêu lần, không có chứng cứ kèm theo về việc trả.

Mặt khác, số tiền chị D vay chị N là 100.000.000đ, số tiền chị N nhận lại là 152.000.000đ. Xem xét các chứng cứ các bên xuất trình thì lời nại của chị N là có cơ sở, phù hợp lời khai bà H và các chứng cứ kèm theo. Vì vậy, không có căn cứ số tiền 152.000.000đ chị N đã nhận của chị D ngày 09/9/2014 là tiền chị D trả nợ cho anh H và chị N của khoản tiền vay 100.000.000đ ngày 01/12/2011.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 166 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H và chị N, buộc chị D trả cho anh Hưng và chị N số tiền 100.000.000đ và buộc chị D chịu 5.000.000đ án phí DSST là có căn cứ, đúng pháp luật.

Kháng cáo của chị D không có căn cứ nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chị D kháng cáo án không được chấp nhận nên phải chịu án phí DSPT theo qui định của pháp luật.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Điều 166 BLDS. Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh Thanh Hóa:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Sơn H và chị Trần Thị N. Buộc chị Đỗ Thị D trả cho anh H và chị N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh H, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án hoặc thi hành chưa đầy đủ, hàng tháng chị D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị D phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí DSST.

Trả lại cho anh Nguyễn Sơn H, chị Trần Thị N 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T, theo biên lai số AA/2015/0002256 ngày 22/3/2018.

Về án phí phúc thẩm: Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T T, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003490 ngày 04/12/2018 (chị D đã nộp đủ tiền án phí DSPT)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T T;
- Tòa án ND huyện T T;
- THADS huyện T T;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Hà